

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ILA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0704.22/CBTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần ILA**

- Mã chứng khoán: **ILA**

- Địa chỉ: 620 Phạm Văn Đồng, P. Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ: 0869265299

Fax:

- E-mail: info@ilagroup.com.vn

- Loại công bố thông tin: Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên Công ty cổ phần ILA.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 07/04/2022 tại đường dẫn <http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/cong-bo-thong-tin-16.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BC thường niên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TRẦN ĐỨC ANH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

ILA



Agility
Leadership
Innovation

NỘI DUNG CHÍNH

	Thông điệp từ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	03
Thông tin tổng quan	Tổng quan về Công ty cổ phần ILA	04
	Ngành nghề kinh doanh	05
	Tầm nhìn	06
	Sứ mệnh	06
	Giá trị cốt lõi	06
	Dấu ấn trên hành trình phát triển	07
	Cơ cấu tổ chức và quản lý	08
Báo cáo hoạt động	Báo cáo của HĐQT	10
	Báo cáo của Ban TGD	13
	Báo cáo của Ban kiểm soát	19
Định hướng phát triển	Định hướng phát triển của ILA	23
	Đánh giá các yếu tố thị trường	24
Phát triển bền vững	17 tiêu chí phát triển bền vững của liên hợp quốc Sự tham gia của các bên liên quan	27
Báo cáo tài chính	Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán	33



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

Tên giao dịch

Tên chính thức CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

Tên tiếng Anh ILA JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt ILA JSC

Giấy chứng nhận
ĐKDN 0312933227

Thông tin chung

Địa chỉ 620 Phạm Văn Đồng, Phường
Hiệp Bình Chánh, TP Thủ Đức,
TP. HCM.

Điện thoại 0869265299

Website <https://ilagroup.com.vn/>

Tên giao dịch

Mã cổ phiếu ILA

Ngày niêm yết 28/11/2017

Địa chỉ niêm yết Sở giao dịch
Chứng khoán Hà Nội

Vốn điều lệ 185.299.390.000
đồng

Vốn chủ sở hữu 185.299.390.000
đồng

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm
toán và Dịch vụ tín
học TP. HCM
(AISC)

Địa chỉ 389A Điện Biên Phủ,
Phường 4, Quận 3,
TP. HCM

Điện thoại 028 3832 8964

Website <http://aisc.com.vn/>

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- 01 Đầu tư, hợp tác đầu tư phát triển bất động sản
- 02 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- 03 Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- 04 Bán buôn, bán lẻ thực phẩm, đồ uống
- 05 Kinh doanh vật liệu xây dựng
- 06 Hoạt động tư vấn quản lý

Địa bàn kinh doanh

Công ty kinh doanh tập trung chủ yếu ở khu vực TP.HCM và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước.

TÂM NHÌN

Khát vọng trở thành đơn vị tư vấn phát triển bất động sản hàng đầu Việt Nam

SỨ MỆNH

Mang đến những sản phẩm chất lượng, dịch vụ vượt trội nhằm mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SÁNG TẠO

Không ngừng đổi mới và dám thay đổi

SẼ CHIA

Sẻ chia, lan tỏa các giá trị nhân văn trong công ty cũng như ngoài cộng đồng

CAM KẾT

Giữ lời hứa với khách hàng, cổ đông, nhân viên và có trách nhiệm với xã hội

DẤU ẤN TRÊN HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN

2014

- Công ty ILA được thành lập với tên ban đầu là Công ty cổ phần Công nghệ Đầu tư Trường Thịnh.

2015 - 2016

- Công ty cổ phần Công nghệ Đầu tư Trường Thịnh đổi tên thành Công ty cổ phần TRT.
- Xây dựng kiện toàn lại bộ máy tổ chức, hoạt động.

2017

- Chính thức trở thành công ty đại chúng.
- Ngày 28/11/2017 cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán ILA với vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng.

2018

- Đổi tên thành Công ty cổ phần ILA.
- Tăng vốn điều lệ lên 169.999.930.000 VNĐ.

2019 - 2020

- Cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh, tập trung chủ yếu hoạt động kinh doanh cốt lõi.
- Bước đầu tham gia lĩnh vực bất động sản và xây dựng/

2021

- Ông Lê Công Hoàng được bầu giữ chức vụ Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị cùng với đó là sự thay đổi toàn bộ thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- Công ty ILA tăng vốn lên 185.299.390.000 VNĐ.
- Thanh khoản tăng mạnh cùng với diễn biến tích cực của giá cổ phiếu trên thị trường

CẤU TRÚC TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ



ILA hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, có cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ chức năng.

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần ILA (viết tắt: ILA), gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề liên quan đến quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ ILA.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh ILA để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của ILA, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong hoạt động điều hành ILA. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc của ILA gồm có Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của ILA và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng giám đốc do Tổng giám đốc bổ nhiệm, thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

Ngoài ra, ILA còn có các Khối chuyên môn (Khối Kinh doanh, Khối Đầu tư, Khối Tài chính – Nguồn vốn, Khối Vận hành) và các ban giúp việc cho Ban Tổng giám đốc. Mỗi Khối trực thuộc sẽ thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm theo quy định tại Quy chế nội bộ của ILA.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Kết quả hoạt động 2021**

Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Vốn chủ sở hữu
22.890 triệu đồng	11.244 triệu đồng	185.299 triệu đồng

	2020	2021	Tăng trưởng năm 2021 so với năm 2020	
	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ lệ
Doanh thu	27,504	22,890	(4,614)	-16.8%
Lợi nhuận sau thuế	13,241	11,244	(1,997)	-15.1%
Vốn chủ sở hữu	195,011	202,358	7,347	3.8%

Đánh giá toàn cảnh:

- Năm 2021 là năm thứ hai cả thế giới phải chống chọi với đại dịch Covid -19, nền kinh tế xã hội Việt Nam đối diện với khó khăn thách thức rất lớn, tâm thế chung của đa số doanh nghiệp là thích ứng, chống chọi, nỗ lực tồn tại nên đều phải giảm tất cả các kỳ vọng vào hoạt động kinh doanh.
- Với bối cảnh thị trường không nhiều thuận lợi như trên thì Công ty ILA đều sụt giảm các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với năm 2020.

Đánh giá về hoạt động của Ban TGD:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám Đốc.
- Triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT ngoại trừ kết quả kinh doanh chưa đạt kế hoạch. Ban Tổng giám đốc đã luôn bám sát Nghị quyết của HĐQT đề ra, định kỳ mỗi

quý báo cáo đánh giá xác thực tình hình kinh doanh của quý trước và xây dựng kế hoạch, giải pháp cho quý tiếp theo để báo cáo HĐQT; tuân thủ đúng Điều lệ công ty, quy định của pháp luật.

- Kiểm soát việc chấp hành và tuân thủ các nghĩa vụ về công bố thông tin của công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định của Pháp luật.
- Công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám Đốc và quản trị rủi ro nói chung và việc tuân thủ các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 của cơ quan có thẩm quyền trong nửa đầu năm nói riêng được triển khai có hệ thống và chặt chẽ.

Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

- Ban kiểm soát đã tham gia các buổi họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, kiểm tra tính hợp lý, trung thực và mức độ thận trọng trong quản lý điều hành hoạt động công ty.
- Thực hiện giám sát hoạt động tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành công ty.
- Ban kiểm soát đã giám sát quy trình tổ chức Kiểm tra Đại hội đồng cổ đông, giám sát thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; các Nghị quyết, quyết định của HĐQT về việc điều hành của Ban Tổng giám đốc.
- BKS đã kiểm tra tình hình tài chính và các báo cáo tài chính của công ty đảm bảo tính minh bạch, phản ánh hợp lý và kịp thời theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ công ty, nâng cao lợi ích cổ đông và các bên liên quan.
- BKS đã kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính công ty.

Các kế hoạch, định hướng chiến lược của HĐQT năm 2022

- Định hướng chiến lược kinh doanh 05 năm của ILA từ năm 2021 đến năm 2025, HĐQT chủ trương đề ra các mục tiêu, chiến lược phát triển ILA theo hướng gia tăng quy mô tập trung và đảm bảo hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh trên cơ sở kiểm soát và hạn chế các rủi ro kinh doanh.
- Tiếp tục tăng vốn điều lệ, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận với các chính sách linh hoạt và phù hợp; đồng thời, tạo ra dòng tiền đều và ổn định để ILA đạt được tầm cao mới.

Mảng kinh doanh thương mại	Phát triển thị trường cốt lõi, tăng cường hợp tác với những nhà cung cấp hàng đầu để mang đến người tiêu dùng các sản phẩm chất lượng
Mảng phát triển, quản lý dự án	Tiếp tục hợp tác phát triển với Tập đoàn Hoàng Cát để triển khai các dự án có quy mô lớn tại nhiều thành phố/khu đô thị trên cả nước; đồng thời, hợp tác với các chủ đầu tư có Quỹ đất lớn, tiềm năng để phát huy thế mạnh của Nhà phát triển Dự án.
Bộ máy nhân sự	Tiếp tục gia tăng quy mô công ty thông qua việc phát triển đội ngũ nhân viên có trình độ cao; và thành lập mới các chi nhánh có quy mô tập trung trải dài trên khắp các tỉnh thành phố trên cả nước.
Hệ thống quản lý	<p>Hoàn thiện hệ thống quản lý theo hướng chuyên nghiệp và bền vững. Duy trì Ban kiểm soát với số lượng người phù hợp để vận hành và kiểm soát xuyên suốt; đảm bảo sự minh bạch, công bằng và được quản trị rủi ro chặt chẽ.</p> <p>Áp dụng công nghệ vào hệ thống quản lý và bán hàng để duy trì hoạt động xuyên suốt, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và sự phát triển không ngừng của công ty.</p>
Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp	Tiếp tục lan tỏa và phát triển văn hóa doanh nghiệp của công ty và đề cao tinh thần trách nhiệm vì sự phát triển chung của cộng đồng; nhằm hướng tới những giá trị phát triển bền vững.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2021 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Trong đó, mức tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19. Việc ILA chưa hoàn thành được các mục tiêu đề ra từ đầu năm cũng như sụt giảm so với các năm trước là điều đã được dự đoán.

Các chỉ số tài chính nổi bật 3 năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	2021
Doanh thu	Triệu đồng	29.271	27.504	22.891
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.420	13.241	11.241
Tổng tài sản	Triệu đồng	176.681	195.011	202.358
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	170.000	170.000	185.299
ROE	%	0,82%	7,08%	5,67%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	18,72	0,86	48,21
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	18,69	0,86	48,18
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	1,7	4,15	2,07
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,73	4,33	2,12
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	lần	60,96	2.282,25	159,73
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	lần	0,1	0,06	0,04
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	5,72%	115,1%	144,34%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,82	7,08	5,67
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,8	6,79	5,56

Tình hình triển khai dự án

Các dự án ILA tham gia góp vốn cùng chủ đầu tư

Tên dự án	Vị trí	Diện tích	Tổng mức đầu tư dự kiến	Quy mô	Triển khai trong năm 2021	Kế hoạch triển khai năm 2022
Hoàng Cát Chơn Thành	Khu phố Trung Lợi, TT Chơn Thành, huyện Chơn Thành, Bình Phước	22,7 ha	3.000 tỷ đồng	- Tổng 987 căn trong đó: Biệt thự định chủ trương 55 căn; shophouse đầu tư 625 căn; Nhà ở xã hội 307 căn	- Đã có quyết định phê duyệt quy hoạch 1/500	- Hoàn tất thủ tục giao đất, nghĩa vụ thuế cùng các giấy phép liên quan

Các dự án ILA tham gia tư vấn, triển khai, đối tác phát triển dự án

STT	Dự Án	Vị trí	Diện tích	Sản phẩm	Quy mô
1	Dự án Phúc Hưng Golden	Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Bình Phước	41,3 ha	Đất nền + Nhà ở xã hội	Đất nền 1.758 nền Nhà ở xã hội 600 căn
2	Dự án khu dân cư Lộc Phát	Khu phố Trung Lợi, TT Chơn Thành, huyện Chơn Thành, Bình Phước	8,1 ha	Nhà liền kề + Nhà ở xã hội	Nhà ở liền kề 315 căn Nhà ở xã hội 118 căn
3	Dự án Hoàng Cát Center	Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	7,5 ha	Nhà liền kề	Nhà ở liền kề 315 căn
4	Dự án khu dân cư An Long	Xã An Long, Huyện Phú Giáo, Bình Dương	46 ha	Nhà liền kề	Nhà ở liền kề 2.348 căn

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HDQT)

Cơ cấu thành viên HDQT

Trong năm 2021, HDQT đã duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ của công ty. HDQT của công ty gồm có 05 thành viên trong đó có 01 thành viên HDQT không điều hành. Hiện tại, cơ cấu thành viên HDQT đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như sự cân đối giữa các thành viên điều hành, các thành viên không điều hành và thành viên độc lập.

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Độc lập	Điều hành	Không điều hành	Sở hữu
01	Ông Lê Công Hoàng	Chủ tịch HDQT		x		2,01%
02	Ông Trần Đức Anh	Thành viên HDQT kiêm TGD		x		0,00%
03	Ông Hồ Viết Ánh	Thành viên HDQT			x	0,00%
04	Ông Cao Xuân Phương	Thành viên HDQT		x		0,00%
05	Bà Nguyễn Thị Châu Úc	Thành viên HDQT		x		0,00%

Thông tin cổ phiếu nắm giữ - giao dịch của cổ đông nội bộ

STT	Đối tượng	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
I Hội đồng quản trị					
1	Ông Lê Công Hoàng	Chủ tịch HDQT	372.344	2,01%	Đang giữ chức vụ
2	Ông Thân Xuân Nghĩa	Chủ tịch HDQT	-	-	Miễn nhiệm 16/11/2021
3	Ông Võ Xuân Phong	Phó Chủ tịch HDQT	98.200	0,53%	Miễn nhiệm 02/11/2021
4	Ông Trần Đức Anh	Thành viên HDQT kiêm TGD	-	-	Đang giữ chức vụ
5	Ông Hồ Viết Ánh	Thành viên HDQT	-	-	Đang giữ chức vụ
6	Ông Cao Xuân Phương	Thành viên HDQT	-	-	Đang giữ chức vụ

Báo cáo thường niên 2021**Khát vọng vươn tầm**

7	Bà Nguyễn Thị Châu Úc	Thành viên HĐQT	-	-	Đang giữ chức vụ
8	Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	-	-	Miễn nhiệm 01/10/2021
9	Ông Tạ Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	-	Miễn nhiệm 23/04/2021
10	Ông Đặng Xuân Hữu	Thành viên HĐQT	-	-	Miễn nhiệm 16/11/2021
11	Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên HĐQT	-	-	Miễn nhiệm 23/04/2021
12	Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên HĐQT	-	-	Miễn nhiệm 18/05/2021

II Ban giám đốc

1	Ông Trần Đức Anh	Tổng giám đốc	-	-	Đang giữ chức vụ
2	Bà Trần Thị Thu Hà	Tổng giám đốc	-	-	Miễn nhiệm 05/10/2021
3	Ông Tạ Ngọc Bích	Tổng giám đốc	-	-	Miễn nhiệm 08/06/2021
4	Ông Đặng Xuân Hữu	Phó tổng giám đốc	-	-	Đang giữ chức vụ
5	Ông Võ Xuân Phong	Phó tổng giám đốc	98.200	0,53%	Miễn nhiệm 31/05/2021
6	Ông Nguyễn Thái Hải	Phó tổng giám đốc	-	-	Miễn nhiệm 26/01/2022

III Ban kiểm soát và kế toán trưởng

1	Bà Hoàng Diệu My	Trưởng Ban Kiểm soát	19.075	0,1%	Đang giữ chức vụ
2	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	Miễn nhiệm 16/11/2021
3	Bà Bùi Thị Kim Phượng	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	Đang giữ chức vụ
4	Ông Nguyễn Phước Thành Nhân	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	Đang giữ chức vụ
5	Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	Miễn nhiệm 16/11/2021
6	Ông Bùi Bảo Khánh Duy	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	Miễn nhiệm 16/11/2021
7	Ông Nguyễn Minh Tấn	Kế toán trưởng	-	-	Đang giữ chức vụ
8	Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Kế toán trưởng	-	-	Miễn nhiệm 07/01/2022

TỔNG VỐN ĐIỀU LỆ

185.299.390.000 đồng

Tổng số cổ phần	18.529.939 cổ phần
Loại cổ phần	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	18.529.939 cổ phần

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI TĂNG VỐN CỔ PHẦN (đơn vị: ngàn đồng)

STT	Năm	Vốn điều lệ ban đầu	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ lũy kế	Hình thức tăng vốn
01	2014	21.000	0	21.000	Vốn thành lập
02	2016	21.000	19.000	40.000	Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu
03	2017	40.000	60.000	100.000	Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu. Phát hành lần đầu ra công chúng 10.000.000 cổ phiếu
04	2018	100.000	19.999,9	119.999,9	Chi trả cổ tức bằng cổ phần từ nguồn Lợi nhuận chưa phân phối
05	2018	119.999,9	50.000	169.999,9	Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp - Phát hành riêng lẻ
06	2021	169.999,9	15.299	185.299	Chi trả cổ tức bằng cổ phần từ nguồn Lợi nhuận chưa phân phối

Báo cáo thường niên 2021**Khát vọng vươn tầm****CƠ CẤU CỔ ĐÔNG** (theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/03/2022)

STT	Đối tượng	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
		Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Số lượng cổ phần		18.524.561	99,97%	5.678	0,03%	18.529.939	100,00%
01	Cá nhân	18.161.267	98,01%	5.678	0,03%	18.166.945	98,04%
02	Tổ chức	362.994	1,96%	0	0,00%	362.994	1,96%
Số lượng cổ đông		1.623	99,75%	4	0,25%	1.627	100,00%
01	Cá nhân	1.621	99,63%	4	0,25%	1.625	99,72%
02	Tổ chức	2	0,12%	0	0,00%	2	0,12%

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của công ty. Cụ thể, BKS đã tổ chức các cuộc họp thường xuyên, định kỳ theo đúng các quy định và thực hiện đầy đủ các chương trình hoạt động theo kế hoạch đã đề ra, bao gồm: Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và tình hình hoạt động kinh doanh - tài chính của công ty.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ tài chính của công ty đối với nhà nước và người lao động theo quy định của pháp luật, bao gồm: Nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác.
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập thẩm tra các báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2021 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành của Việt Nam. BKS đồng ý với các nội dung đánh giá của đơn vị kiểm toán độc lập về tình hình hoạt động và tài chính của công ty báo cáo soát xét giữa niên độ và báo cáo kiểm toán cuối năm tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
- Kiểm tra việc tuân thủ quy chế quản trị công ty và các quy định của luật pháp.
- Giám sát việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ cho quyền và lợi ích của cổ đông.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT THÀNH VIÊN HĐQT VÀ THÀNH VIÊN BAN TGD

- Các thành viên HĐQT và thành viên Ban Tổng giám đốc của công ty đã thực hiện đúng các quyền hạn và nghĩa vụ được giao, tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ của công ty trong công tác quản lý và điều hành.
- HĐQT thực hiện tốt vai trò, quyền hạn của mình trong việc hoạch định chiến lược và định hướng phát triển công ty. Trong đó, HĐQT đã ban hành nhiều nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền một cách đúng trình tự, đúng thẩm quyền, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh cũng như chiến lược phát triển của công ty.

KẾT QUẢ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS - HĐQT VÀ BAN TGD

- Trong năm 2021, BKS được HĐQT và Ban TGD tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình bằng việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính công ty.
- BKS luôn được mời tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và Ban TGD, qua đó nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của công ty. Từ đó, BKS mới có điều kiện tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó.
- BKS không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về các vấn đề có liên quan đến việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban TGD.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2021

- Hoạt động của công ty đều phù hợp với ngành nghề kinh doanh trong giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ các yêu cầu của quy chế quản trị công ty, điều lệ và quy định của pháp luật cũng như các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Công ty đã thực hiện đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.
- Báo cáo tài chính các quý và cả năm 2021 của công ty đã được lập kịp thời và đầy đủ theo đúng quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.
- Công ty thực hiện công tác báo cáo, công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.
- BKS thống nhất với nội dung Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 của HĐQT, Ban TGD và báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán.

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BKS

- Với tinh thần trách nhiệm để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ do cổ đông giao phó, BKS luôn phối hợp trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT và Ban TGD trong việc xây dựng các quy chế, kiến nghị, quyết định.
- Trong năm 2022, BKS kiến nghị HĐQT và Ban TGD các biện pháp sau:
 - Tăng cường việc kiểm soát chặt chẽ các chi phí phát triển dự án, chi phí quản lý.
 - Đẩy mạnh hơn nữa năng lực bán hàng bằng cách tìm kiếm và xây dựng các chính sách phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường, thường xuyên đánh giá các đối tác, nhà môi giới để lựa chọn được những đơn vị có năng lực và uy tín giúp hoạt động bán hàng của công ty hiệu quả hơn.
 - Tiếp tục hoàn thiện cải tiến các quy chế, quy trình và quy định giúp kiểm soát nội bộ hiệu quả hơn.

- Nâng cao vai trò của Ban Kiểm soát nội bộ trong việc kiểm soát hoạt động, kiểm soát tuân thủ hệ thống quản lý và kiểm soát tài chính của các phòng/ban trong công ty cũng như của các đơn vị mà công ty tham gia góp vốn.
- Tăng cường công tác dự báo để nâng cao năng lực ứng phó, hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TRONG NĂM 2022

- Trong năm 2022, BKS phát huy tinh thần trách nhiệm để tiếp tục thực hiện đầy đủ công việc kiểm tra, giám sát theo đúng quyền hạn và nghĩa vụ quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của công ty. Cụ thể:
- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban TGD trong việc quản lý và điều hành công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ và quy chế quản trị nội bộ, nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022.
- Định kỳ thẩm tra báo cáo tài chính hàng quý, hằng năm trước khi công bố thông tin.
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm.
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ kinh doanh, đầu tư của công ty.
- Kiểm tra định kỳ và đột xuất (theo yêu cầu của cổ đông) về tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với HĐQT và Ban TGD, tăng cường, cải tiến các quy trình phối hợp với HĐQT và Ban TGD để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.
- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGD trong việc cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2022

Một số mục tiêu quan trọng ILA cần đạt được trong 2022

- Hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kinh doanh và tài chính; trong đó, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là trên 20 tỷ đồng.
- Hợp tác sâu rộng với các Chủ đầu tư lớn, các nhà thầu xây dựng tầm cỡ, các nhà sản xuất hàng đầu nhằm đa dạng hóa các giỏ hàng và sản phẩm.
- Tiến hành tái cấu trúc hiệu quả, nâng cấp chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện hệ thống quản lý – vận hành.
- Xây dựng các tiêu chuẩn về giá trị văn hóa doanh nghiệp.

Hệ thống quản lý – điều hành

- Xây dựng mô hình cấu trúc tổ chức hiện đại, chuyên nghiệp, linh hoạt.
- Kiến tạo toàn bộ máy quản lý – điều hành bằng những con người phù hợp.
- Triển khai chương trình ERP, ứng dụng eOffice, CRM, số hóa toàn bộ tài liệu...
- Hợp tác với các đơn vị tư vấn chuyên môn để có kế hoạch và lộ trình dài hạn.

Kinh doanh - Tài chính - Nguồn vốn

- Xây dựng các kế hoạch tài chính vững chắc để đảm bảo các mục tiêu đã đề ra.
- Tiếp tục thu hút đầu tư từ các tổ chức định chế tài chính trong và ngoài nước.
- Kiểm soát tốt doanh thu – chi phí, đảm bảo hiệu suất đầu tư tối ưu.

Nguồn nhân lực - văn hóa doanh nghiệp

- Tổng số nhân sự đến cuối năm 2021 là 05 người, trong năm 2022 sẽ xây dựng phát triển đội ngũ nhân sự trên 50 cán bộ nhân viên.

- Cải tiến quy trình làm việc rõ ràng, chính sách lương thưởng và phúc lợi vượt trội, cơ hội nghề nghiệp đa dạng, danh tiếng của công ty phải được xây dựng để trở thành sự lựa chọn của người tìm việc.
- Xây dựng hệ thống đánh giá nhân sự chuyên nghiệp, chính sách và kế hoạch đào tạo tương ứng với nhu cầu phẩm chất, năng lực, kỹ năng.

Thương hiệu - truyền thông - tiếp thị

- Đẩy mạnh chiến lược phát triển thương hiệu chuyên nghiệp và toàn diện hơn để đạt được vị thế mới trong cách nhìn nhận của khách hàng, nhà đầu tư, cộng đồng kinh doanh, giới chuyên ngành, thị trường tuyển dụng và cả người nội bộ.
- Tăng cường cảnh giác với nguy cơ xảy ra khủng hoảng truyền thông, có phương án thích ứng kịp thời với các rủi ro về truyền thông.

Quản lý rủi ro và tuân thủ pháp chế

- Nhằm hạn chế ở mức thấp nhất các ảnh hưởng xấu đến tình hình sản xuất và kinh doanh của công ty, hoạt động quản trị rủi ro của công ty luôn được chú trọng và hướng đến các mục tiêu bền vững.
- Ban lãnh đạo đang dần hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro dựa trên những thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đồng thời áp dụng linh hoạt phù hợp với mô hình của hoạt động công ty và môi trường hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty đã nhận diện những rủi ro chính ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:
 - Kịp thời nhận diện các rủi ro của công ty, theo dõi và đánh giá nhằm đưa ra các phương án xử lý kịp thời và phù hợp.
 - Phân định rõ ràng trách nhiệm của từng phòng ban, tăng cường công tác kiểm soát tuân thủ. Qua đó xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn công ty.

- Tăng cường năng lực trong việc ra quyết định, lập kế hoạch và cải tiến, tối ưu hóa hiệu quả công việc trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh, môi trường kinh doanh, khai thác các cơ hội và thách thức của công ty.
- Bảo vệ và tăng cường tài sản cũng như hình ảnh công ty.

RỦI RO KINH TẾ - XÃ HỘI

- Việc kinh doanh chịu nhiều ảnh hưởng từ các yếu tố vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất... Để hạn chế tối đa các rủi ro nêu trên, công ty luôn thường xuyên theo dõi những biến động của nền kinh tế nói chung, thực hiện phân tích tình hình thị trường để kịp thời đưa ra các giải pháp thay đổi phù hợp, hiệu quả nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của công ty.

RỦI RO CẠNH TRANH

- Cùng với sự hồi phục của nền kinh tế cả nước trong những tháng cuối năm 2021, công ty cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày một gia tăng, các nguy cơ cạnh tranh. Để giảm thiểu các rủi ro này, công ty đã xây dựng chiến lược cạnh tranh phù hợp thông qua đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao cùng tinh thần năng nổ trong công việc.

RỦI RO VỀ NHÂN LỰC

- Việc tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động mới đôi khi không đáp ứng kịp với sự thay đổi về nhân sự đã tạo ra một khoảng trống ngắn hạn, làm ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của công ty. Nhằm giảm thiểu sự rủi ro về nhân lực ở mức thấp nhất, công ty luôn đưa ra các chế độ, chính sách ưu đãi đối với CBCNV như luôn tạo môi trường làm việc tốt nhất cho CBCNV, thường xuyên tuyển dụng và đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên. Đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ có năng lực, tạo cơ hội cho đội ngũ lao động trẻ để bổ sung cho các cấp quản lý.

RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH, LUẬT PHÁP

- Những quy định về lĩnh vực Bất động sản như quy trình cấp phép và thủ tục pháp lý của Dự án luôn có nhiều thay đổi và vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, gây ra nhiều vướng mắc cho các doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận. Vì vậy công ty luôn phải cập nhật liên tục và tuân thủ những điều chỉnh, bổ sung theo quy định hiện hành của Nhà nước nhằm hạn chế các rủi ro này.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu Phát triển Bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs) là một bộ 17 mục tiêu phổ quát mà các nước thành viên Liên Hiệp Quốc áp dụng vào chương trình nghị sự và chính trị đến năm 2030 sau khi Các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (Millennium Development Goals - MDGs) hết hạn vào cuối năm 2019.

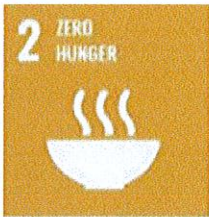
Đây là định hướng chiến lược cho giai đoạn mới đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế toàn cầu, nhằm khuyến khích các quốc gia trên thế giới cùng tham gia tạo nên một thế giới năng động, phát triển hài hòa và bền vững trong dài hạn. Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 thông qua 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững quốc gia đến năm 2030.

17 tiêu chí bền vững của LHQ (Bộ tiêu chuẩn GRI)



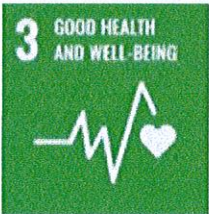
Xóa nghèo

Trong thời gian bùng phát dịch Covid 19 kéo dài ở tại Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam, công ty đã chủ động chuyển trạng thái từ làm việc tại văn phòng sang làm việc tại nhà (WFH), đảm bảo cuộc sống ổn định cho cán bộ công nhân viên trong công ty.



Không còn nạn đói

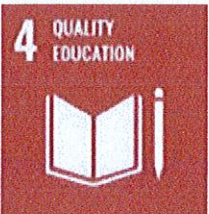
Tham gia ủng hộ các quỹ phát triển, tình thương tại địa phương và địa điểm kinh doanh của công ty



Sức khỏe và có cuộc sống tốt

Chung tay góp sức, ủng hộ công tác phòng - chống dịch Covid 19 của cả nước.

Công ty chủ động nhắc nhở, tuyên truyền việc bảo vệ sức khỏe bằng cách ăn uống đầy đủ, chế độ sinh hoạt lành mạnh, áp dụng các phương pháp tăng cường sức đề kháng...



Giáo dục có chất lượng

Xây dựng văn hóa đọc sách trong công ty bằng các chương trình, thông điệp chia sẻ những quyển sách hay, chia sẻ những thông điệp tích cực từ sách...



Bình đẳng giới

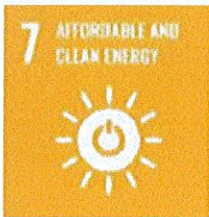
Không phân biệt vùng miền, không phân biệt giới trong chính sách tuyển dụng của công ty

Chính sách với lao động nữ của Tập đoàn: Tổ chức các hoạt động, tặng quà chúc mừng ngày 8/3, 20/10, có chế độ phúc lợi trong thời gian nghỉ thai sản...



Nước sạch và vệ sinh

Tuân thủ các quy định về nước sạch và xả thải ra môi trường

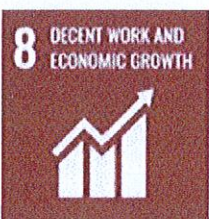


Năng lượng sạch và giá thành hợp lý

Ưu tiên sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện trong việc thi công lắp đặt văn phòng, chi nhánh của công ty.

Tắt các thiết bị điện khi không có nhu cầu sử dụng

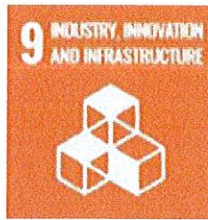
Khuyến khích nhân viên đi thang bộ thay vì sử dụng thang máy.



Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế

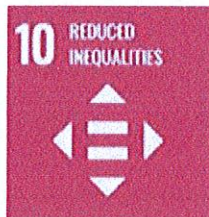
Cung cấp các cơ hội việc làm với môi trường năng động, chuyên nghiệp, góp phần thúc đẩy nền kinh tế đất nước.

Hoàn thành tốt kế hoạch tăng trưởng doanh thu cao và đóng góp tiền thuế cho ngân sách.



Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng

Xây dựng nền tảng công nghệ trong các hoạt động vận hành, quản lý của công ty



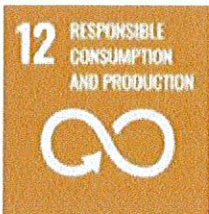
Giảm bất bình đẳng

Tham gia tư vấn đầu tư phát triển các dự án nhà ở xã hội



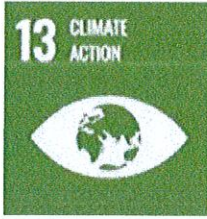
Các thành phố và cộng đồng bền vững

Tham gia các phong trào thiện nguyện



Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm

Công ty tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, công tác giám sát môi trường được thực hiện thường xuyên và định kỳ, báo cáo thường xuyên cho các ban ngành liên quan.



Hành động về biến đổi khí hậu

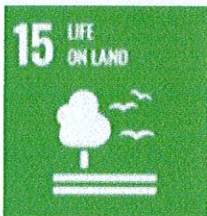
Chú trọng giảm thiểu sử dụng túi nilong, ...

Khuyến khích không sử dụng vật phẩm tạo rác thải nhựa dùng 1 lần như ống hút, cốc, chén..., thay vào đó khuyến khích sáng kiến về sử dụng nguyên liệu và năng lượng sạch tại văn phòng làm việc như ống hút bằng giấy, tre, gạo, sử dụng ly chén cá nhân có thể tái sử dụng.



Tài nguyên và môi trường biển

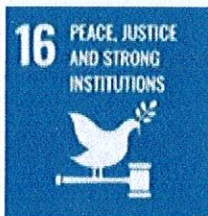
Giảm thiểu tác động tới môi trường biển



Tài nguyên và môi trường trên đất liền

Quy hoạch thông minh, ưu tiên diện tích cây xanh trong việc phát triển dự án của công ty.

Tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu, xử lý ô nhiễm, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường từ lúc hình thành cho đến quá trình vận hành các dự án.



Hòa bình công lý và các thể chế mạnh mẽ

Tiếp tục hoàn thiện quy chế lương thưởng, hệ thống kiểm toán và quản trị nội bộ, nâng cao tính minh bạch trong điều hành nhằm tạo hành lang pháp lý, hành chính cho các hoạt động công ty, góp phần kiểm soát rủi ro hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh trong hệ thống nội bộ công ty.



Quan hệ đối tác vì các mục tiêu

Đồng hành cùng chủ đầu tư, khách hàng, đối tác của công ty

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Việc gắn kết các bên liên quan là cơ sở và nền tảng quan trọng cho việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững và sự phát triển ổn định lâu dài của công ty. ILA luôn lấy yêu cầu minh bạch và trách nhiệm giải trình làm tôn chỉ hoạt động, hướng tới xây dựng mối quan hệ hợp tác, tin cậy giữa các bên. ILA luôn tạo điều kiện để các bên chia sẻ đầy đủ, trung thực những vấn đề mà các bên liên quan quan tâm; bằng cách sử dụng các phương thức truyền thông riêng biệt, phù hợp với từng bên liên quan như: đối thoại trực tiếp, website, thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, khảo sát mức độ hài lòng, ĐHĐCĐ thường niên, hội nghị, hội thảo gặp gỡ nhà đầu tư, báo cáo thường niên, tháng / quý báo cáo, cuộc họp và các kênh liên lạc khác (email, điện thoại, ...).

Quan hệ với khách hàng

- Tuân thủ các quy định nghiêm ngặt của pháp luật đảm bảo lợi ích hài hòa của khách hàng và lợi ích của doanh nghiệp.
- Cam kết đảm bảo về chất lượng và dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Thiết lập cơ chế giải quyết khiếu nại của khách hàng.
- Tri ân khách hàng bằng các dịch vụ hậu mãi, các chương trình chăm sóc khách hàng.

Quan hệ với đối tác

- Lựa chọn đối tác công bằng dựa trên chất lượng, khả năng, kinh nghiệm...
- Xây dựng mối quan hệ lợi ích lâu dài, hợp tác chiến lược vì sự phát triển của các bên.
- Bảo mật thông tin.

Quan hệ với Cổ đông - Nhà đầu tư

- Cung cấp đầy đủ thông tin nhằm giúp cổ đông, nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện về tình hình hoạt động cũng như chiến lược phát triển của công ty trong các giai đoạn tương ứng với từng thời kỳ khác nhau.
- Đảm bảo yếu tố khách quan, công bằng, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang hàng cho tất cả các nhà đầu tư.

Quan hệ với người lao động

- Định kỳ hàng năm có cải tiến về chính sách lương thưởng, phúc lợi cho nhân viên.
- Đưa ra các chương trình đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động nội bộ nhằm tạo môi trường làm việc gắn kết.

Quan hệ với cộng đồng

- Cam kết đặt yếu tố môi trường lên trên sự phát triển, hạn chế đến mức tối thiểu sự tác động lên môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Đẩy mạnh các hoạt động thiện nguyện, chung tay góp sức xây dựng cộng đồng.

Quan hệ với cơ quan truyền thông

- Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông, báo chí, truyền hình trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và hợp pháp.
- Thông tin cung cấp đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ, khách quan.
- Bình tĩnh xử lý các sự cố truyền thông với thái độ cầu thị, khéo léo.

Báo cáo về nguồn vốn xanh

Là một quốc gia chịu ảnh hưởng lớn từ thiên tai và biến đổi khí hậu, Việt Nam đã xác định tăng trưởng xanh là một chiến lược để phát triển bền vững. Tài chính xanh luôn được xác định là trọng tâm trong chính sách phát triển kinh tế toàn cầu trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn ra. Nhận thức được điều này, ILA không ngừng trau dồi và cập nhật các chính sách, công cụ, sản phẩm tài chính xanh; định hướng chính sách phát triển tại Việt Nam, với mong muốn góp phần định hình cho một tương lai xanh, nắm bắt những cơ hội và xu hướng mới.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC).
- Ý kiến ngoại trừ: Không có
- Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần ILA tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần ILA được Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) kiểm toán và đính kèm báo cáo thường niên này.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



CÔNG TY
CỔ PHẦN
ILA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN ĐỨC ANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-32

U.N.
129
ON
O P
L
HỒ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc công ty trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung về công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/03/2018. Công ty Cổ phần ILA tăng vốn điều lệ lên 169.999.930.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2018. Công ty Cổ phần ILA thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/01/2022.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Trụ sở chính: Số 620 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Lê Công Hoàng	Chủ tịch HĐQT	16/11/2021	
Ông Thân Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	29/08/2018	16/11/2021
Ông Võ Xuân Phong	Phó Chủ tịch HĐQT	23/04/2021	02/11/2021
Ông Trần Đức Anh	Thành viên	16/11/2021	
Ông Hồ Việt Ánh	Thành viên	16/11/2021	
Ông Cao Xuân Phương	Thành viên	16/11/2021	
Bà Nguyễn Thị Châu Úc	Thành viên	16/11/2021	
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên	23/04/2021	01/10/2021
Ông Tạ Ngọc Bích	Thành viên	06/07/2018	23/04/2021
Ông Đặng Xuân Hữu	Thành viên	16/06/2017	16/11/2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên	15/09/2018	23/04/2021
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	29/06/2020	18/05/2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Kiểm soát		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Hoàng Diệu My	Trưởng ban	16/11/2021	
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Trưởng ban	20/04/2019	16/11/2021
Bà Bùi Thị Kim Phụng	Thành viên	16/11/2021	
Ông Nguyễn Phước Thành Nhân	Thành viên	16/11/2021	
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Thành viên	23/02/2018	16/11/2021
Ông Bùi Bảo Khánh Duy	Thành viên	30/11/2016	16/11/2021
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông Trần Đức Anh	Tổng Giám đốc	28/10/2021	
Bà Trần Thị Thu Hà	Tổng Giám đốc	08/06/2021	05/10/2021
Ông Tạ Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	20/06/2020	08/06/2021
Ông Đặng Xuân Hữu	Phó Tổng Giám đốc	17/09/2018	
Ông Võ Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	09/12/2020	31/05/2021
Ông Nguyễn Thái Hải	Phó Tổng Giám đốc	06/05/2019	26/01/2022
Ông Nguyễn Minh Tấn	Kế toán trưởng	07/01/2022	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Kế toán trưởng	19/06/2018	07/01/2022

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông Trần Đức Anh - Tổng Giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất ngày 27/01/2022.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

5. Cam kết của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Đức Anh
Tổng Giám đốc





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: A0721361-R/AISC-TV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần ILA tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022



K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ HÙNG DŨNG

Số Giấy CNDKHNKT: 3174-2020-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

VÕ THỊ XUÂN QUỲNH

Số Giấy CNDKHNKT: 4274-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.358.121.711	6.986.711.419
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.315.333.874	330.189.047
1. Tiền	111		3.315.333.874	330.189.047
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198.920.491.106	6.637.447.789
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	9.959.630.213	6.626.787.789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	188.974.700.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	272.378.182	10.660.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(286.217.289)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	86.659.706	4.418.184
1. Hàng tồn kho	141		86.659.706	4.418.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.637.025	14.656.399
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.980.626	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10b	14.656.399	14.656.399
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	188.024.278.015
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	631.432.231
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	-	631.432.231
- Nguyên giá	222		-	701.591.369
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(70.159.138)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	-	187.118.772.447
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	167.200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	20.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(81.227.553)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	274.073.337
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	-	274.073.337
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		202.358.121.711	195.010.989.434

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.197.202.512	8.094.086.481
I. Nợ ngắn hạn	310		4.197.202.512	8.094.086.481
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10a	4.197.202.512	2.344.566.481
4. Phải trả người lao động	314		-	249.520.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	-	5.500.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		198.160.919.199	186.916.902.953
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	198.160.919.199	186.916.902.953
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.299.390.000	169.999.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.299.390.000	169.999.930.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.861.529.199	16.916.972.953
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.617.512.953	3.676.096.878
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.244.016.246	13.240.876.075
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		202.358.121.711	195.010.989.434

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Lê Thị Hoài Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tấn



Tổng Giám đốc

Trần Đức Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.789.740.400	11.503.628.395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.789.740.400	11.503.628.395
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.273.941.900	10.083.389.780
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		515.798.500	1.420.238.615
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.101.004.001	16.000.532.956
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	156.554.076	260.876.836
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		237.781.629	179.649.283
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.541.779.667	1.713.158.493
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		13.918.468.758	15.446.736.242
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	725.866.886	37.333.521
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(725.866.886)	(37.333.521)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.192.601.872	15.409.402.721
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.948.585.626	2.168.526.646
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		11.244.016.246	13.240.876.075
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	607	715
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	607	715

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Lê Thị Hoài Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tấn

Tổng Giám đốc




Trần Đức Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.192.601.872	15.409.402.721
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	70.159.140	70.159.138
- Các khoản dự phòng	03	VI.4, 5	204.989.736	81.227.553
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(14.539.475.281)	(16.000.000.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	237.781.629	179.649.283
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(833.942.904)	(259.561.305)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		11.425.707.140	48.344.503.948
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(82.241.522)	(4.418.184)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(272.309.084)	(2.302.335.122)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		274.073.337	469.732.663
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(237.781.629)	(179.649.283)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(73.160.511)	(276.722.439)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.200.344.827	45.791.550.278
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(188.915.200.000)	(108.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		187.200.000.000	56.000.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.715.200.000)	(52.200.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.2	5.500.000.000	5.500.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.3	(11.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.500.000.000)	5.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		2.985.144.827	(908.449.722)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		330.189.047	1.238.638.769
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	3.315.333.874	330.189.047

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Lê Thị Hoài Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tấn

Tổng Giám đốc



Trần Đức Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/03/2018. Công ty Cổ phần ILA tăng vốn điều lệ lên 169.999.930.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2018. Công ty Cổ phần ILA thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/01/2022.

Mã chứng khoán: ILA.

Tên tiếng Anh: ILA JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: ILA JSC.

Trụ sở chính: Số 620 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.**3. Hoạt động chính của Công ty**

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Trong năm tài chính 2021, Công ty đã thoái vốn 2 công ty con là Công ty Cổ phần BD Land và Công ty Cổ phần ILA E&C) và đang thực hiện.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

7. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4 nhân viên. (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5 nhân viên)**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư**

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ được ghi nhận trên báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (tiếp theo)**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

05 - 10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng đến 36 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi ngân hàng, lãi chuyển nhượng cổ phần.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Lãi chuyển nhượng cổ phần dựa trên cơ sở chênh lệch giá giữa giá chuyển nhượng trên hợp đồng chuyển nhượng và giá gốc khoản đầu tư ghi nhận trên sổ sách kế toán.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế. Năm 2021, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021, Công ty được hưởng mức giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 vì đang nằm ở trường hợp có tổng doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Nợ phải trả tài chính

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

15. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

16. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
Tiền	3.315.333.874	330.189.047
Tiền mặt	610.505.332	266.737.662
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.704.828.542	63.451.385
Cộng	3.315.333.874	330.189.047

2. Các khoản đầu tư tài chính (xem trang 30)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	9.959.630.213	(286.217.289)	6.626.787.789	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thép Việt Nam	-	-	2.217.905.948	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần (*)	9.550.748.372	-	4.000.000.000	-
Đối tượng khác	408.881.841	(286.217.289)	408.881.841	-
Cộng	9.959.630.213	(286.217.289)	6.626.787.789	-

(*) Trong đó:

- Phải thu các bên khác	9.550.748.372	-	4.000.000.000	-
Cộng	9.550.748.372	-	4.000.000.000	-

(*) Khoản tiền còn phải thu các cá nhân nhận chuyển nhượng 9.800.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần BD Land từ Công ty Cổ phần ILA theo các hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 20/11/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Ngắn hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Khoản trả trước người bán về chuyển nhượng cổ phần (**)	188.915.200.000	-	-	-
Đối tượng khác	59.500.000	-	-	-
Cộng	188.974.700.000	-	-	-
(**) Trong đó:				
- Trả trước cho bên liên quan	144.347.200.000	-	-	-
- Trả trước cho các bên khác	44.568.000.000	-	-	-
Cộng	188.915.200.000	-	-	-

(**) Khoản tiền trả trước cho các cá nhân từ Công ty Cổ phần ILA về việc chuyển nhượng 32.041.286 cổ phiếu, tương ứng 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành theo các hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 31/12/2021. Hợp đồng chuyển nhượng chưa được hoàn tất do Công ty Cổ phần ILA mới thực hiện thanh toán đợt 1 cho các cá nhân. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần ILA đang tiến hành các thủ tục tăng thêm vốn 170 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2021 để tiến hành thanh toán đợt 2 cho các cá nhân.

5. Phải thu khác

Ngắn hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác	6.818.182	-	5.160.000	-
Ký cược, ký quỹ	5.500.000	-	5.500.000	-
Phải thu khác	260.060.000	-	-	-
Ông Đặng Xuân Hữu	260.060.000	-	-	-
Cộng	272.378.182	-	10.660.000	-

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	38.205.160	-	4.418.184	-
Hàng hoá	48.454.546	-	-	-
Cộng	86.659.706	-	4.418.184	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	701.591.369	701.591.369
<i>Thanh lý nhượng bán</i>	<i>(701.591.369)</i>	<i>(701.591.369)</i>
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	70.159.138	70.159.138
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>70.159.140</i>	<i>70.159.140</i>
<i>Thanh lý nhượng bán</i>	<i>(140.318.278)</i>	<i>(140.318.278)</i>
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	631.432.231	631.432.231
Số dư cuối năm	-	-

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

8. Nợ xấu (Xem trang 31)**9. Chi phí trả trước****31/12/2021** **01/01/2021**

Dài hạn	-	274.073.337
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	274.073.337
Cộng	-	274.073.337

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	36.658.017	43.304.552	4.893.636	75.068.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.246.708.464	1.948.585.626	73.160.511	4.122.133.579
Thuế thu nhập cá nhân	61.200.000	-	61.200.000	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.344.566.481	1.994.890.178	142.254.147	4.197.202.512

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp theo)

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
b. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	14.656.399	-	-	14.656.399
Cộng	14.656.399	-	-	14.656.399

11. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN TP.HCM	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
Cộng	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000

12. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	169.999.930.000	3.676.096.878	173.676.026.878
Lợi nhuận năm	-	13.240.876.075	13.240.876.075
Số dư tại 31/12/2020	169.999.930.000	16.916.972.953	186.916.902.953
Số dư tại 01/01/2021	169.999.930.000	16.916.972.953	186.916.902.953
Tăng vốn trong năm (*)	15.299.460.000	(15.299.460.000)	-
Lợi nhuận năm	-	11.244.016.246	11.244.016.246
Số dư tại 31/12/2021	185.299.390.000	12.861.529.199	198.160.919.199

(*) Căn cứ theo Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 01/BC-PH ngày 27/12/2021 và Thông báo số 9139/UBCK-QLCB ngày 31/12/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Công ty Cổ phần ILA phát hành thêm 1.529.999 cổ phiếu. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu. Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
Vốn góp của các cổ đông	185.299.390.000	169.999.930.000
Cộng	185.299.390.000	169.999.930.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	31/12/2021	01/01/2021
Vốn góp của chủ sở hữu	185.299.390.000	169.999.930.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>169.999.930.000</i>	<i>169.999.930.000</i>
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>15.299.460.000</i>	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>185.299.390.000</i>	<i>169.999.930.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.299.460.000	-
d. Cổ phiếu	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.529.939	16.999.993
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.529.939	16.999.993
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.529.939</i>	<i>16.999.993</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.529.939	16.999.993
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.529.939</i>	<i>16.999.993</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng hóa	7.789.740.400	10.569.797.680
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	933.830.715
Cộng	7.789.740.400	11.503.628.395
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.273.941.900	10.083.389.780
Cộng	7.273.941.900	10.083.389.780
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	255.629	532.956
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	15.100.748.372	16.000.000.000
Cộng	15.101.004.001	16.000.532.956
4. Chi phí tài chính	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	237.781.629	179.649.283
Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư tài chính	(81.227.553)	-
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	-	81.227.553
Cộng	156.554.076	260.876.836

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2021	Năm 2020
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	680.893.968	758.040.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	118.144.444	489.282.665
Chi phí khấu hao TSCĐ	70.159.140	70.159.138
Thuế, phí, lệ phí	5.057.859	25.662.764
Chi phí dự phòng	286.217.289	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.509.226	279.788.374
Chi phí bằng tiền khác	31.797.741	90.225.552
Cộng	1.541.779.667	1.713.158.493
6. Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
Giá trị còn lại của tài sản cố định (*)	561.273.091	-
Chi phí khác	164.593.795	37.333.521
Cộng	725.866.886	37.333.521
(*) Thuyết minh hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	Năm 2021	Năm 2020
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	561.273.091	-
Lãi/(lỗ) hoạt động thanh lý nhượng bán tài sản cố định	(561.273.091)	-
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.144.444	489.282.665
Chi phí nhân công	680.893.968	758.040.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.159.140	70.159.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.509.226	279.788.374
Chi phí khác	323.072.889	115.888.316
Cộng	1.541.779.667	1.713.158.493

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.192.601.872	15.409.402.721
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	725.866.886	80.073.323
Các khoản điều chỉnh tăng	725.866.886	80.073.323
Chi phí không được trừ	725.866.886	80.073.323
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
3. Thu nhập chịu thuế kỳ này	13.918.468.758	15.489.476.044
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.783.693.752	3.097.895.209
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	835.108.126	929.368.563
5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (**)	<u>1.948.585.626</u>	<u>2.168.526.646</u>

(*) Theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021, giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

(**) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.244.016.246	13.240.876.075
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.244.016.246	13.240.876.075
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.529.939	18.529.939
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>607</u>	<u>715</u>

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.244.016.246	13.240.876.075
Lãi của trái phiếu chuyển đổi, quyền chọn mua, chứng quyền	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	11.244.016.246	13.240.876.075
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.529.939	18.529.939
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân sẽ được qui đổi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	18.529.939	18.529.939
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	<u>607</u>	<u>715</u>

(*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh là không đáng kể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng và công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phải trả người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Các khoản vay và nợ	5.500.000.000	-	-	5.500.000.000
Cộng	5.500.000.000	-	-	5.500.000.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (xem trang 32)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khác ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Không phát sinh.

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm 2021

Năm 2020

5.500.000.000

5.500.000.000

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Năm 2021

Năm 2020

(11.000.000.000)

-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản cam kết khác**

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn toàn bộ tại các công ty Con và đã sử dụng nguồn thu này để trả trước cho các cổ đông cá nhân về việc nhận 32.041.286 cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành. Công ty cam kết sẽ hoàn tất việc nhận chuyển nhượng số cổ phiếu này ngay sau khi được phép sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược đang được triển khai theo phương án đã được thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2021 của Công ty.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Sau ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần ILA có những điều chỉnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 01 năm 2022 như sau:

+ Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty về 620 Phạm Văn Đồng, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh;

+ Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 169.999.930.000 đồng lên 185.299.390.000 đồng.

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan trong năm****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần BDLand

Công ty Cổ phần ILA E&C

Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam

Ông Lê Công Hoàng

Ông Lê Quang Hạnh

Bà Trần Thị Châu

Bà Lê Thị Thành Huế

Ông Nguyễn Trọng Ý

Mối quan hệ

Công ty con trước đây

Công ty con trước đây

Công ty có chung Ban điều hành trước đây

Chủ tịch HĐQT

Bố của Chủ tịch HĐQT

Mẹ của Chủ tịch HĐQT

Em gái của Chủ tịch HĐQT

Em trai của Thành viên HĐQT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Thoái vốn công ty con (Công ty Cổ phần ILA E&C)	Năm 2021	Năm 2020
Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam	61.200.000.000	-
Công ty Cổ phần BD Land		
Cộng	61.200.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết (Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành)	Năm 2021	Năm 2020
Ông Lê Công Hoàng	(11.782.400.000)	-
Ông Lê Quang Hạnh	(24.327.200.000)	-
Bà Trần Thị Châu	(16.600.000.000)	-
Bà Lê Thị Thành Huế	(43.168.000.000)	-
Cộng	(95.877.600.000)	-
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:	31/12/2021	01/01/2021
Trả trước cho người bán		
Ông Lê Công Hoàng	11.782.400.000	-
Ông Lê Quang Hạnh	24.327.200.000	-
Bà Trần Thị Châu	16.600.000.000	-
Bà Lê Thị Thành Huế	43.168.000.000	-
Ông Nguyễn Trọng Ý	48.469.600.000	-
Cộng	144.347.200.000	-
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Năm 2021	Năm 2020
Ông Thân Xuân Nghĩa Lương và thưởng	72.000.000	72.000.000
Ông Đặng Xuân Hữu Lương và thưởng	180.000.000	300.000.000
Cộng	252.000.000	372.000.000

4. Thông tin so sánh:

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thoái vốn toàn bộ tại các công ty con trước đó nên Công ty không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay và năm trước được trình bày trên báo cáo tài chính này theo hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Người lập biểu



Lê Thị Hoài Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tấn

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Đức Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
a. Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần BDLand (1)	-	-	-	167.200.000.000
Công ty Cổ phần ILA E&C (2)	-	-	-	106.000.000.000
b. Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư TTD (3)	-	-	-	61.200.000.000
Công ty Cổ phần JP Win (4)	-	-	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Logistics GLG Đồng Nai (5)	-	-	-	9.000.000.000
	-	-	-	7.000.000.000
	-	-	-	4.000.000.000
Cộng	-	-	-	187.200.000.000
				(81.227.553)
				187.118.772.447

(1) Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 9.800.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần BD Land cho các cá nhân theo các Hợp đồng chuyển nhượng vốn sau: (1) Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 21/2021/HĐCN/ILA-HC ngày 20/11/2021; (2) Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 22/2021/HĐCN/ILA-HC ngày 20/11/2021 và (3) Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 23/2021/HĐCN/ILA-HC ngày 20/11/2021. Tổng giá trị chuyển nhượng là: 115.550.748.372 VND.

(2) Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 3.060.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần ILA E&C cho Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam (Bên liên quan) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 20/2021/HĐCN/ILA-VX ngày 20/11/2021. Tổng giá trị chuyển nhượng là: 61.200.000.000 VND.

(3) Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp còn lại tại Công ty Cổ phần TTD theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 31/05/2021 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 17/2021/HĐCN/ILA-TTD ngày 01/06/2021.

(4) Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần JP Win theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 31/05/2021 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 18/2021/HĐCN/ILA-JPW ngày 02/06/2021.

(5) Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Logistics GLG Đồng Nai theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 31/05/2021 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 19/2021/HĐCN/ILA-GLG ngày 03/06/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số			Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	31/12/2020		31/12/2021	31/12/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
- Phải thu khách hàng	9.959.630.213	(286.217.289)	6.626.787.789	-	9.673.412.924
- Phải thu khác	5.500.000	-	5.500.000	-	5.500.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	3.315.333.874	-	330.189.047	-	330.189.047
TỔNG CỘNG	13.280.464.087	(286.217.289)	6.962.476.836	-	6.962.476.836
Nợ phải trả tài chính					
- Vay và nợ	-	-	5.500.000.000	-	5.500.000.000
TỔNG CỘNG	-	-	5.500.000.000	-	5.500.000.000



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

